

Số: 67 /QĐ-TCTS-KTBVNL

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành hướng dẫn về đồng quản lý nghề cá tại Việt Nam

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định 75/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

Căn cứ Quyết định số 05/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn về đồng quản lý nghề cá tại Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, tp ven biển;
- Chi Cục KTBVNLTs các tỉnh, tp ven biển;
- Lưu: VT, KTBVNL.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Vũ Văn Tâm

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**HƯỚNG DẪN VỀ
ĐỒNG QUẢN LÝ NGHỀ CÁ TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định 67 /QĐ-TCTS-KTBVNLTS
ngày 7 tháng 6 năm 2010)*

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

MỤC LỤC

<i>Các cụm từ viết tắt.....</i>	<i>i</i>
Chương I - CÁC VẤN ĐỀ CHUNG.....	1
1. Mục đích ban hành.....	1
2. Giải thích thuật ngữ.....	1
Chương II - CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ.....	3
1. Xác định nhu cầu thực hiện đồng quản lý và hình thành nhóm nông cốt.....	3
1.1. Xác định nhu cầu thực hiện đồng quản lý tại địa phương.....	3
1.2. Hình thành nhóm nông cốt.....	3
2. Xác định điều kiện thực hiện đồng quản lý.....	4
2.1. Xây dựng sự đồng thuận và cam kết của chính quyền, cộng đồng địa phương.....	4
2.2. Xác định các mục tiêu, xây dựng lộ trình mục tiêu.....	4
2.3. Xây dựng chiến lược thực thi.....	5
2.4. Tiến hành nghiên cứu đánh giá nguồn lực.....	5
Chương III- CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC THIỆN ĐỒNG QUẢN LÝ TẠI ĐỊA PHƯƠNG.....	8
1. Nâng cao nhận thức và phát triển năng lực tại địa phương.....	8
2. Xây dựng cơ chế tổ chức thực hiện ĐQL ở cấp địa phương.....	8
2.1. Cấp cộng đồng.....	8
2.2. Cấp quản lý địa phương (tỉnh/huyện/xã).....	11
3. Xây dựng kế hoạch đồng quản lý.....	11
4. Quản lý thích ứng.....	12
5. Xác định điều kiện giao quyền sử dụng cho cộng đồng.....	12
6. Xây dựng quy chế trong cộng đồng.....	14
Phần 1: Những Quy định chung.....	14
Phần 2: Hoạt động tổ chức đồng quản lý.....	14
Phần 3: Một số cơ chế đảm bảo hoạt động của cộng đồng:.....	16

Các cụm từ viết tắt

FAO	Tổ chức Nông lương Thế giới
NTTS	Nuôi trồng thủy sản
BQL	Ban quản lý
TTGS	Tuần tra giám sát
GSDGĐC	Giám sát, đánh giá, điều chỉnh
UBND	Ủy ban nhân dân
ĐQL	Đồng quản lý
SCAFI	Hợp phần tăng cường quản lý khai thác thủy sản
HTX	Hợp tác xã
KTTS	Khai thác thủy sản

Chương I CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

1. Mục đích ban hành

- Tài liệu này hướng dẫn các cơ quan có liên quan, các tổ chức, cá nhân có chức năng tư vấn, xây dựng, thẩm định, thực hiện, giám sát, ra quyết định và điều chỉnh việc áp dụng đồng quản lý nghề cá quy mô nhỏ trên phạm vi cả nước;

- Hỗ trợ quá trình thực hiện đồng quản lý đối với nghề cá quy mô nhỏ tại Việt Nam;

- Là cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện các mô hình ĐQL ở địa phương;

- Không hướng dẫn chi tiết từng bước, chỉ cung cấp khung hướng dẫn chung cho việc thực hiện ĐQL theo đúng khuôn khổ pháp lý và định hướng của Nhà nước.

2. Giải thích thuật ngữ

Trong tài liệu hướng dẫn này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Đồng quản lý: Là một phương thức quản lý, trong đó Nhà nước chia sẻ quyền hạn, trách nhiệm và chức năng quản lý với những người sử dụng nguồn lợi.

Nghề cá quy mô nhỏ: Sử dụng lao động chuyên sâu trong khai thác, chế biến và ứng dụng các công nghệ để khai thác các nguồn lợi thủy sản nội địa và biển. Các hoạt động được tiến hành thường kỳ, bán thời gian hay chỉ mang tính mùa vụ, thường nhằm mục đích cung cấp cá và các sản phẩm thủy sản cho thị trường nội địa, thị trường địa phương và cho tiêu thụ hàng ngày. Nghề cá quy mô nhỏ hoạt động với các quy mô tổ chức đa dạng từ hoạt động của hộ gia đình, các công ty nhỏ không chính thống đến các doanh nghiệp lớn. Trong bối cảnh ngành thủy sản ven bờ của các nước trong khu vực ASEAN, khái niệm nghề cá quy mô nhỏ là rất khác nhau giữa các nước do các khái niệm luật pháp và các hệ thống được áp dụng khác nhau để phân biệt giữa hoạt động này và nghề cá thương mại.

Nghề cá dựa vào quyền khai thác và sử dụng nguồn lợi: Là nghề cá mà quyền đánh bắt hoặc sử dụng nguồn lợi thủy sản cũng như mặt nước cho NTTS ở một vùng nước/biển nhất định được giao cho cộng đồng, tổ chức và phải được sự cho phép của các cơ quan có thẩm quyền. Những quyền này phải đi kèm với nghĩa vụ phải tuân thủ các nguyên tắc và qui định của cơ chế quản lý dựa trên quyền được khai thác.

Quyền khai thác thủy sản và sử dụng nguồn lợi: Là quyền được khai thác hoặc sử dụng nguồn lợi của những người khai thác hoặc NTTS trong vùng nước được giao.

U. Thuk

Cộng đồng quản lý nghề cá ABC (ABC là tên riêng của cộng đồng): Là cộng đồng những người khai thác hoặc NTTS cùng thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng và quản lý nguồn lợi trong vùng nước được cấp có thẩm quyền giao.

Ban quản lý cộng đồng: Là tổ chức đại diện cho cộng đồng trong việc thực thi nhiệm vụ quản lý nghề cá và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến việc khai thác nguồn lợi của cộng đồng, được lựa chọn thông qua bầu cử trong nội bộ cộng đồng.

Chương II

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ

1. Xác định nhu cầu thực hiện đồng quản lý và hình thành ban vận động

1.1. Xác định nhu cầu thực hiện đồng quản lý tại địa phương

- Để tiến hành đồng quản lý, địa phương cần phải xác định được nhu cầu thực sự của chính quyền và cộng đồng địa phương đối với việc thực hiện đồng quản lý.

- Trước hết cần phải tìm kiếm các thông tin, sự hỗ trợ để cung cấp đầu vào cho việc xác định nhu cầu thực hiện đồng quản lý tại địa phương. Các nghiên cứu, điều tra, phỏng vấn, các cuộc họp với các bên tham gia như cán bộ Chính quyền, cán bộ quản lý, cộng đồng ngư dân, cùng các bên liên quan được thực hiện nhằm:

+ Xác định các vấn đề hoặc xung đột mà địa phương muốn giải quyết (có thể vấn đề đã hiện hữu hoặc đang ở dạng tiềm ẩn) bằng việc áp dụng đồng quản lý. Xác định rõ ràng được các vấn đề và xung đột giúp cộng đồng tập trung nỗ lực giải quyết và tránh việc đi lạc hướng trong quá trình thực hiện.

+ Xác định sự cần thiết, đánh giá nhu cầu thực hiện đồng quản lý tại địa phương để giải quyết các vấn đề hoặc xung đột.

+ Xem xét tính khả thi của tiếp cận đồng quản lý trong điều kiện cụ thể của địa phương.

- Quá trình xác định nhu cầu thực hiện đồng quản lý có thể được thực hiện bởi chính cộng đồng địa phương hay các tổ chức có chức năng tư vấn về đồng quản lý tham gia đánh giá. Thông thường, những nơi có nhu cầu thực hiện đồng quản lý là:

+ Vùng nhạy cảm trong việc quản lý thủy sản (khu vực bảo tồn, đa dạng sinh học, khu vực có bãi đẻ của các loài thủy sản, khu vực có hệ sinh thái nhạy cảm như rừng ngập mặn, thảm rong - cỏ biển...).

+ Đang có những dấu hiệu về xâm hại nguồn lợi và nguồn lợi thủy sản đang ngày càng bị suy giảm nghiêm trọng bởi hoạt động của con người.

+ Đang có sự tồn tại của nhiều ngành nghề khác nhau nhưng có chung nhu cầu sử dụng và khai thác vùng nước. Giữa các ngành nghề đang nảy sinh mâu thuẫn, tranh chấp trong việc sử dụng và khai thác nguồn lợi chung.

1.2. Hình thành ban vận động

- Ban vận động gồm các thành viên cộng đồng đóng vai trò khởi đầu trong việc thực hiện đồng quản lý tại địa phương.

- Ban vận động đảm nhiệm việc trao đổi thông tin, xây dựng đối thoại với các thành viên cộng đồng, tạo thuận lợi cho việc tổ chức cộng đồng, trợ giúp trong việc ra quyết định và xác định các bên tham gia....

U. Thul

- Tùy thuộc vào quy mô và tiến độ thực hiện ở từng địa phương, ngoài ban vận động thành lập ĐQL lý tại địa phương có thể hình thành các nhóm khác với sự phân chia nhiệm vụ cụ thể hơn, ví dụ như nhóm chiến lược có nhiệm vụ xây dựng cơ sở khoa học, các chính sách, chủ trương phát triển....làm công tác tham mưu cho BCD; hay nhóm hỗ trợ thể chế, nhóm vận động tuyên truyền, nhóm thực hiện....

2. Xác định điều kiện thực hiện đồng quản lý

2.1. Xây dựng sự đồng thuận và cam kết của chính quyền, cộng đồng địa phương

Yêu cầu chung:

- Một trong những điều kiện tiên quyết là phải xây dựng được sự đồng thuận và cam kết của chính quyền, cộng đồng địa phương cũng như các bên liên quan về thực hiện đồng quản lý tại địa phương.

- Cần xác định mức độ chấp thuận và sự cam kết của chính quyền địa phương trong việc ra quyết định cho phép và hỗ trợ thực hiện đồng quản lý.

- Cần xây dựng sự đồng thuận và cam kết của cộng đồng trong việc tham gia thực hiện đồng quản lý.

- Xây dựng sự đồng thuận và cam kết của các bên liên quan trong việc tham gia thực hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh.

Các việc cần thực hiện:

- Tiến hành các cuộc họp với chính quyền địa phương để xây dựng các cam kết từ phía chính quyền trên cơ sở khung pháp lý hỗ trợ cho đồng quản lý cấp quốc gia.

- Tổ chức các cuộc họp dân để tiến hành xây dựng các cam kết từ phía cộng đồng trên cơ sở khung pháp lý cấp quốc gia và cấp địa phương về đồng quản lý.

- Tổ chức các cuộc họp giữa các bên liên quan trong cộng đồng để xây dựng các cam kết, khẳng định sự đồng thuận trong quá trình thực hiện.

- Các cam kết được xây dựng bao gồm các ràng buộc về mặt pháp lý cũng như sự thống nhất và các biện pháp quản lý và tài chính.

2.2. Xác định các mục tiêu, xây dựng lộ trình mục tiêu

Yêu cầu chung:

- Xác định các vấn đề cần giải quyết đối với một cộng đồng ngư dân, đề ra các mục tiêu cần thực hiện, xác định các mục tiêu ưu tiên và xây dựng được lộ trình thực hiện các mục tiêu đề ra.

Các việc cần thực hiện:

- Tổ chức các cuộc họp có sự tham gia của cộng đồng địa phương, các bên có liên quan xác định các mục tiêu cần thực hiện, các mục tiêu ưu tiên, xây dựng lộ trình thực hiện; thông qua đàm phán để đi đến thống nhất.

Tuỳ vào từng điều kiện cụ thể, cộng đồng địa phương có thể yêu cầu sự hỗ trợ hay tư vấn từ các tổ chức, các cơ quan hay chuyên gia bên ngoài cộng đồng.

2.3. Xây dựng chiến lược thực thi

Yêu cầu chung:

Chiến lược thực thi được xây dựng sẽ xác định các bước thiết lập và thực hiện chương trình đồng quản lý. Nội dung của bản chiến lược này phải xác định được các bên tham gia, đối tác... cũng như vai trò và trách nhiệm của từng đối tượng.

Cần lưu ý rằng bản chiến lược khác với kế hoạch hành động sẽ được xây dựng sau này (bao gồm các hoạt động phát triển và quản lý cụ thể hơn).

Các việc cần thực hiện:

- Bản chiến lược sẽ được nhóm lãnh đạo ban đầu soạn thảo và lấy ý kiến của cộng đồng ngư dân thông qua các cuộc thảo luận để đi đến thống nhất. Cộng đồng địa phương có thể yêu cầu sự hỗ trợ của tư vấn trong quá trình xây dựng chiến lược thực thi nếu thấy cần thiết.

- Xây dựng bản ghi nhớ hợp tác giữa cộng đồng ngư dân với chính quyền và các đối tác bên ngoài. Bản ghi nhớ cần quy định một cách rõ ràng nhiệm vụ, các hoạt động trợ giúp cũng như vai trò của chính quyền và các đối tác; nó có tác dụng chia sẻ nguồn thông tin, sự cộng tác và hợp tác trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện.

- Đánh giá các nguồn lực tài chính và nhân lực hiện có cũng như nhu cầu để thực hiện đồng quản lý; đây là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự thành công của chương trình đồng quản lý tại địa phương.

2.4. Tiến hành nghiên cứu đánh giá nguồn lực

a) Đánh giá nguồn lợi và hệ sinh thái

Yêu cầu chung:

Các đánh giá về nguồn lợi và hệ sinh thái được thực hiện để xác định hiện trạng của nguồn lợi, hệ sinh thái. Thường việc đánh giá do các cơ quan nghiên cứu thực hiện, nhưng có sự tham gia của cộng đồng ngư dân trong việc đánh giá có thể giúp giảm chi phí đồng thời chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao sự hiểu biết và nhận thức của cộng đồng ngư dân về hiện trạng nguồn lợi và môi trường sinh thái tại địa phương mình.

Các việc cần thực hiện:

- Đánh giá nguồn lợi và hệ sinh thái bao gồm các thông tin sau: Thông tin địa lý, môi trường, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái quan trọng (rạn san hô, rong cỏ biển, rừng ngập mặn, cửa sông, cỏ biển...), các nguồn lợi quan trọng (cá, tôm, thân mềm...), việc sử dụng các nguồn lợi, hoạt động khai thác và nuôi trồng, lịch sử sử dụng các nguồn lợi.

- Lập các loại bản đồ dựa trên các thông tin, tùy theo điều kiện cụ thể mà một số loại bản đồ sau có thể được lập: bản đồ phác thảo, bản đồ chủ điểm, bản đồ cơ sở, bản đồ sử dụng đất, bản đồ điểm mô tả khu vực, bản đồ nơi cư trú ven bờ, bản đồ nguồn lợi.

b) Đánh giá kinh tế xã hội

Yêu cầu chung:

Đánh giá kinh tế xã hội bao gồm các nghiên cứu về điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị của cộng đồng địa phương

Các việc cần thực hiện:

- Đánh giá kinh tế xã hội phần lớn bao gồm các chủ đề sau: Các đối tượng sử dụng nguồn lợi, đặc điểm của các bên tham gia, vấn đề giới, nhận thức của các bên tham gia, tổ chức và sở hữu nguồn lợi, kiến thức bản địa, tiện nghi và dịch vụ cộng đồng....

- Đánh giá kinh tế xã hội một cách tổng thể hay chỉ đánh giá một số chủ đề phụ thuộc vào mục tiêu cụ thể của từng địa phương.

c) Đánh giá thể chế, chính sách và luật pháp

Yêu cầu chung:

Đánh giá cơ cấu tổ chức, thể chế, chính sách: Để triển khai đồng quản lý đạt hiệu quả và bền vững, địa phương cần tiến hành xác định điều kiện về thể chế chính sách cho việc thực hiện đồng quản lý.

Các việc cần thực hiện:

- Rà soát lại hệ thống văn bản chính sách đã ban hành của Đảng và Nhà nước có liên quan đến đồng quản lý, bao gồm hệ thống các văn bản, chính sách, quy định hỗ trợ, cho phép thực hiện đồng quản lý.

- Tiến hành đánh giá các văn bản chính sách có hỗ trợ hoặc cho phép việc thực hiện đồng quản lý ở cộng đồng địa phương hay không? Các văn bản chính sách hỗ trợ, cho phép ở mức độ nào? Các văn bản pháp luật ở cấp địa phương đã đề cập đến vấn đề đồng quản lý ở địa bàn mình và đã đủ mạnh để xúc tiến thực hiện đồng quản lý hay chưa? Đã có chính sách ở cấp địa phương về đồng quản lý chưa.

- Các văn bản pháp luật của địa phương cho phép thực hiện đồng quản lý cần thể hiện đầy đủ vai trò và chức năng cho cộng đồng cũng như quy hoạch chi tiết vùng nước được giao, qui định phạm vi của quyền khai thác (loại ngư

cụ, phương pháp đánh bắt, mùa vụ khai thác, các hoạt động NTTS), vai trò và trách nhiệm của thành viên cộng đồng và qui định hoạt động của cộng đồng cũng như những hướng dẫn triển khai các hoạt động kinh tế.

- Việc ủy nhiệm chức năng quản lý của chính quyền cấp tỉnh bao gồm các chức năng liên quan đến vùng nước được giao cũng phải được làm rõ. Khung pháp lý cấp tỉnh về đồng quản lý cần có sự mềm dẻo hợp lý để có thể điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh phát triển và thay đổi trong quản lý thủy sản ở địa phương.

- Phải nhận dạng được cơ cấu quyền lực và chính trị hiện tại trong cộng đồng nhằm xác định các thay đổi trong quản lý nghề cá khi áp dụng đồng quản lý.

d) Đánh giá tính khả thi của việc thực hiện đồng quản lý tại địa phương

Yêu cầu chung:

Đánh giá chi phí lợi ích xem các lợi ích mà đồng quản lý mang lại có giá trị hơn chi phí phải bỏ ra hay không?

Nếu câu trả lời là có thì *các việc cần thực hiện:*

- Tiến hành phân tích chi tiết về tính khả thi của việc thực hiện đồng quản lý trong bối cảnh cụ thể của địa phương.

- Cần phải xem xét tính khả thi của việc thực hiện đồng quản lý trên các khía cạnh pháp lý, chính trị, thể chế, kinh tế, xã hội và môi trường.

U. Thul

Chương III

CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN ĐỒNG QUẢN LÝ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Nâng cao nhận thức và phát triển năng lực tại địa phương

Yêu cầu chung:

Nâng cao **nhận thức** và phát triển năng lực cho các thành viên cộng đồng, **cán bộ quản lý** và **cán bộ chính quyền** đóng vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện đồng quản lý tại địa phương. Mục tiêu là trang bị kiến thức cho các bên tham gia thực hiện chương trình đồng quản lý, qua đó họ có thể đưa ra quyết định cũng như sự lựa chọn để giải quyết các vấn đề, đề xuất các mục tiêu, vạch ra chiến lược cũng như kế hoạch thực thi.

Các việc cần thực hiện:

- Hoạt động nâng cao nhận thức và phát triển năng lực có thể bao gồm các hoạt động giáo dục môi trường cho cộng đồng địa phương, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ cho các đối tượng sử dụng nguồn lợi, chính quyền địa phương và các bên liên quan trong thực hiện đồng quản lý.

- Áp dụng phương pháp giáo dục chính thức và không chính thức, thông qua các cuộc hội thảo, làm việc nhóm, tham quan học hỏi, chia sẻ kiến thức giữa các ngư dân...

2. Xây dựng cơ chế tổ chức thực hiện ĐQL ở cấp địa phương

Để có thể thực hiện được đồng quản lý ở cấp địa phương, một trong những yếu tố quan trọng nhất đó là xây dựng một thể chế chính thức có hiệu lực và hiệu quả, được cơ quan quản lý Nhà nước cũng như cộng đồng địa phương thừa nhận nhằm đảm bảo cho các hoạt động sản xuất cũng như quản lý có thể vận hành một cách thuận lợi.

Trước hết, cần xác định phạm vi của thể chế này là ở cấp cộng đồng, trong một số trường hợp có thể mở rộng tới cấp quản lý địa phương (cấp xã/huyện/tỉnh).

2.1. Cấp cộng đồng

Bộ máy tổ chức và quản lý ĐQL ở cấp cộng đồng gồm các thành phần chủ yếu sau:

- Ban Quản lý cộng đồng;
- Đội Tuần tra giám sát;
- Đội Tự quản;
- Và có thể thêm một số nhóm khác như nhóm chiến lược, nhóm thông tin tuyên truyền cổ động...;

a) Ban quản lý cộng đồng

Ban quản lý cộng đồng là tổ chức hạt nhân trong quá trình thực hiện đồng quản lý ở cấp cộng đồng.

Ban quản lý do chính những thành viên trong cộng đồng lựa chọn để đại diện cho họ trong công tác quản lý, điều phối các hoạt động sản xuất sử dụng nguồn lợi cũng như các vấn đề có liên quan khác trong cộng đồng. Chính vì vậy, thành viên của Ban quản lý thường phải là những người có uy tín trong cộng đồng, có khả năng quản lý cũng như trình độ chuyên môn tốt để có thể đại diện cho các nhóm đối tượng khác nhau, các ngành nghề khác nhau hoặc thậm chí về mặt xã hội có thể đại diện cho các họ tộc khác nhau trong cộng đồng.

Tuỳ theo đặc thù về địa lý, dân cư cũng như sự đa dạng của các ngành nghề trong cộng đồng mà số người trong Ban quản lý có thể rất khác nhau.

Ban quản lý cộng đồng có trách nhiệm:

+ Quản lý, điều phối, giám sát các hoạt động sản xuất của các thành viên cộng đồng trong vùng nước được giao nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, đạt được công bằng tối đa và tránh các xung đột/mâu thuẫn giữa các ngành nghề sản xuất trong cộng đồng.

+ Hướng dẫn những người tham gia sản xuất về bảo vệ và phát triển nguồn lợi, môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững.

+ Làm đầu mối liên hệ giữa cộng đồng với các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan nghiên cứu... để có thể kịp thời cập nhật các chính sách quản lý mới của Nhà nước và các tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng trong sản xuất cho cộng đồng.

+ Làm đầu mối giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn hoặc xung đột trong cộng đồng. Đây là chức năng rất quan trọng đòi hỏi BQL cộng đồng phải khách quan, công bằng và đặc biệt là có uy tín trong cộng đồng để có thể đảm bảo duy trì được sự ổn định trong cộng đồng. Trong trường hợp vượt quá khả năng và quyền hạn của mình, Ban quản lý cộng đồng phải có trách nhiệm thông báo lên các cấp có thẩm quyền giải quyết một cách nhanh chóng nhất tránh tình trạng mâu thuẫn, kiện tụng hay xung đột... kéo dài gây mất đoàn kết trong cộng đồng địa phương.

+ BQL cộng đồng có trách nhiệm báo cáo định kỳ cho Ban quản lý cấp trên hoặc cơ quan quản lý cấp huyện, xã về tình hình trong địa bàn được giao.

b) Đội tuần tra giám sát

Là đơn vị giám sát việc thi hành các quy định ở cấp cộng đồng do cộng đồng đề cử hoặc do BQL cộng đồng đề cử và được cộng đồng tin nhiệm.

Số lượng thành viên của Đội tuần tra giám sát (sau đây gọi tắt là Đội tuần tra) được quyết định tuỳ theo địa bàn, phạm vi hoạt động.

H. Thanh

Đội tuần tra có trách nhiệm tuần tra trong địa bàn vùng nước được giao, phát hiện và xử lý các vi phạm trong phạm vi quyền hạn cho phép. Trong trường hợp phát hiện các vi phạm vượt quá quyền hạn giải quyết đội tuần tra phải có trách nhiệm báo cáo lên Ban quản lý cộng đồng để chuyển lên các cấp có thẩm quyền giải quyết.

Đội tuần tra có trách nhiệm ghi chép nhật ký tuần tra làm căn cứ báo cáo cho các cơ quan cấp trên của Ban quản lý cộng đồng. Đội tuần tra cũng có trách nhiệm giúp Ban quản lý cộng đồng trong việc phát hiện và giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn xảy ra trong địa bàn quản lý của mình.

Các thành viên của đội tuần tra phải được tập huấn để nắm được những vấn đề cơ bản về thực thi pháp luật trong chức năng nhiệm vụ được giao.

c) *Đội tự quản*

Là những nhóm người trong cộng đồng địa phương sẽ chịu sự quản lý và điều phối trực tiếp của Ban quản lý cộng đồng theo kế hoạch đã được cộng đồng thông qua. Đội tự quản có thể được phân chia theo đơn vị hành chính (làng, bản, thôn...) hoặc cũng có thể được phân chia theo ngành nghề sản xuất (khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản...). Đội tự quản cũng có thể được chia thành những đội nhỏ hơn để có thể dễ dàng hoạt động cũng như quản lý tùy theo tình hình thực tế.

Đội tự quản được thành lập dựa trên sự tự nguyện tham gia của các thành viên và các thành viên của đội sẽ tự bầu ra một đội trưởng để đại diện cho đội tham gia các cuộc họp với Ban quản lý cộng đồng cũng như đại diện cho đội tự quản đưa ra các đề xuất kiến nghị.

Số lượng thành viên đội tự quản căn cứ vào theo tình hình thực tế của khu vực địa lý hoặc ngành nghề sản xuất của chính đội tự quản.

Đội trưởng/Ban quản lý đội tự quản có trách nhiệm:

+ Quản lý, điều phối và giám sát các thành viên của mình trong quá trình sản xuất tuân thủ theo các quy định chung của cộng đồng đã được Ban quản lý cộng đồng ban hành và toàn thể cộng đồng thông qua.

+ Làm đầu mối liên hệ giữa đội tự quản và Ban quản lý cộng đồng cũng như các hội, chi hội nghề nghiệp trong việc phổ biến các quy định của Nhà nước cũng như những quy định của cộng đồng đến các thành viên của đội tự quản nhằm đảm bảo mọi thành viên đều nắm được và tự giác thực hiện triệt để theo các quy định này.

+ Giúp Ban quản lý cộng đồng trong việc phổ biến các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới phục vụ sản xuất cũng như các kinh nghiệm, thành công của các địa phương khác để các thành viên trong đội có thể xem xét áp dụng trong sản xuất tại địa phương mình.

+ Làm đầu mối xử lý, giải quyết các tranh chấp hoặc mâu thuẫn, xung đột giữa các thành viên trong đội tự quản của mình và trong trường hợp không giải quyết được phải báo lên Ban quản lý cộng đồng.

2.2. Cấp quản lý địa phương (tỉnh/huyện/xã)

Việc hình thành Ban chỉ đạo cấp tỉnh/huyện/xã làm đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc tiếp xúc với cấp cộng đồng tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của địa phương. Với những khu vực có yếu tố liên tỉnh thì có thể việc hình thành BCD liên tỉnh là cần thiết.

Số lượng thành viên của BCD phụ thuộc vào điều kiện cụ thể; tuy nhiên thành viên của BCD cấp tỉnh nên có 1 đại diện là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch tỉnh, đại diện của Sở Nông nghiệp lâm đầu mối (với vai trò là thường trực BCD) và đại diện địa phương – là người có hiểu biết sâu về các hoạt động sản xuất cũng như các điều kiện kinh tế xã hội trong địa phương mình.

Ban chỉ đạo cấp tỉnh/huyện/xã này có trách nhiệm:

+ Làm cầu nối giữa cộng đồng và chính quyền địa phương thông qua việc đại diện cho chính quyền tỉnh/huyện/xã tham gia các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất với Ban quản lý cộng đồng hoặc với cả cộng đồng.

+ Đại diện cho chính quyền tỉnh/huyện/xã để tiếp nhận các thông tin từ Ban quản lý cộng đồng và chuyển đến nơi có thẩm quyền giải quyết và trong một số trường hợp.

+ Đại diện cho chính quyền trực tiếp giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện do Ban quản lý cộng đồng chuyển lên.

+ Nếu được uỷ quyền sẽ có trách nhiệm truyền đạt các thông tin quản lý từ cơ quan quản lý đến Ban quản lý cộng đồng để phổ biến cho người dân địa phương thực hiện.

+ Hỗ trợ về pháp lý, kỹ thuật và nếu có thể là cả tài chính cho Ban quản lý cộng đồng hoạt động đồng thời trong khả năng của mình tìm kiếm các hỗ trợ về kỹ thuật cũng như tài chính giúp cho cộng đồng phát triển.

+ Hỗ trợ chính quyền tỉnh/huyện/xã xây dựng các giải pháp quản lý ở cấp tỉnh/huyện/xã liên quan đến đồng quản lý ở cấp cơ sở hoặc đề xuất lên cấp trên nếu vượt quá thẩm quyền của mình.

3. Xây dựng kế hoạch đồng quản lý

Kế hoạch đồng quản lý đưa ra một phương thức tổ chức cho tất cả các bên tham gia đề ra các vấn đề ưu tiên, xác định các chính sách, các bước thực thi và đưa ra các quyết định thiết thực hơn cho việc sử dụng và quản lý bền vững nghề cá.

M. Thinh

Kế hoạch đồng quản lý bao gồm việc chi tiết hoá chiến lược quản lý và các hành động, cũng như chỉ rõ vai trò và trách nhiệm trong thực hiện đồng quản lý của các bên tham gia.

Mục tiêu phải được thể hiện bằng các hoạt động cụ thể để trả lời được các câu hỏi sản phẩm đầu ra là gì, ai là đối tượng tham gia, ai là người chịu trách nhiệm, thời điểm thực hiện, nguồn tài chính và nhân lực để thực hiện.

Bản kế hoạch đồng quản lý phải được sự đồng tình của các bên tham gia (chính quyền địa phương, cộng đồng ngư dân và các bên có liên quan), phải đạt được sự phân quyền rõ ràng của các bên tham gia (về nghĩa vụ, trách nhiệm).

Xây dựng kế hoạch đồng quản lý nên dựa vào các yếu tố như xây dựng năng lực, quản lý nguồn lợi, phát triển kinh tế và cộng đồng, cải thiện sinh kế và phát triển thể chế. Bản kế hoạch phải thể hiện được tầm nhìn của cộng đồng trong tương lai. Trong giai đoạn đầu kế hoạch có thể tập trung vào giải quyết các vấn đề cụ thể (ví dụ như khai thác bất hợp pháp, suy giảm nguồn lợi, mâu thuẫn lợi trong cộng đồng ...), nhưng ở giai đoạn sau này có thể tập trung vào giải quyết cùng lúc một số vấn đề trên phương thức hài hoà hơn.

Thách thức lớn nhất trong quá trình lập kế hoạch đồng quản lý đó là phải tạo được sự đồng thuận, sự hợp tác giữa các bên tham gia. Vì vậy, khuyến khích các bên tham gia lập kế hoạch và so sánh tính khả thi của các lựa chọn, đi tới nhất trí với một sự lựa chọn. Quá trình đạt được sự đồng thuận về mục tiêu và các hành động cũng là một phương tiện đẩy mạnh sự hiểu biết lẫn nhau giữa các bên tham gia.

Ngoài ra quá trình xây dựng các mục tiêu cũng như hành động cần đảm bảo tính minh bạch.

4. Quản lý thích ứng

Kế hoạch đồng quản lý dựa vào tiếp cận quản lý thích ứng. Quản lý thích ứng nhìn nhận quản lý nghề cá như một sự thử nghiệm mà các nhà quản lý và ngư dân có thể học hỏi từ đó.

Quản lý thích ứng khác với hoạt động quản lý nghề cá quy ước ở chỗ nó nhấn mạnh vào tầm quan trọng của việc phản hồi trong việc hình thành các qui định, chính sách, kèm theo sự thử nghiệm mang tính hệ thống để hình thành các qui định, chính sách tiếp theo.

Quản lý thích ứng phải có sự tham gia của ngư dân, với vai trò là các cộng sự với nhà quản lý trong quá trình quản lý.

5. Xác định điều kiện giao quyền sử dụng cho cộng đồng

Quyền sử dụng, khai thác vùng nước phải được giao cho cộng đồng địa phương quản lý; Việc phân vùng biển, tuyến khai thác và phân cấp quản lý cho cộng đồng địa phương theo Điều 4 và khoản 2, Điều 12 Nghị định

33/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2010 về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển.

Các thành viên của cộng đồng là đối tượng có quyền khai thác, sử dụng vùng nước được giao theo các quy định của cộng đồng địa phương không trái với các quy định của pháp luật.

Các thành viên ngoài cộng đồng phải tuân thủ các quy định của cộng đồng địa phương, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi tham gia khai thác, sử dụng vùng nước do cộng đồng quản lý.

Để xác định điều kiện giao quyền sử dụng cho cộng đồng, địa phương cần tiến hành xác định được các điều kiện cơ bản:

- Xác định vùng nước được giao thuộc quy hoạch để khai thác, nuôi trồng thủy sản được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận

Vùng nước được giao cho cộng đồng quản lý phải được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định và khu vực được giao phải thuộc khu vực được quy hoạch cho phát triển thủy sản. Đây là một điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự thành công và tránh các vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn với các ngành, lĩnh vực kinh tế khác.

- Xác định một cách rõ ràng, cụ thể ranh giới vùng nước được giao cho cộng đồng

Xác định khu vực được giao cho cộng đồng quản lý một cách rõ ràng, cụ thể; đây được xem như yếu tố cơ bản của quyền khai thác trên cơ sở xem xét các yếu tố:

+ Ranh giới cộng đồng hiện tại (về địa lý, pháp lý và quan điểm hành chính);

+ Diện tích của vùng xác định cần được kết hợp với các đơn vị địa lý hành chính thực tế;

+ Khu vực được giao cho cộng đồng có thể rộng hơn ranh giới hiện tại của cộng đồng đó nếu như có sự đồng thuận của cơ quan chính quyền, của các cộng đồng khác trong vùng cùng chia sẻ nguồn lợi chung của một hệ sinh thái cụ thể;

- Xác định năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và cộng đồng địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện, vận hành, quản lý, giám sát

Giao quyền sử dụng cho cộng đồng phải căn cứ vào năng lực quản lý của cộng đồng địa phương, cũng như khả năng sử dụng, khai thác vùng nước và nhận thức của cộng đồng. Để đảm bảo sự hợp lý và hiệu quả của việc giao quyền sử dụng cho cộng đồng cần phải xem xét các yếu tố sau:

+ Năng lực và khả năng của cộng đồng có thể quản lý một cách hiệu quả nghề cá, bao gồm cả việc thực thi các nguyên tắc và quy định;

+ Địa phương phải tiến hành đánh giá năng lực và nhu cầu của cộng đồng dựa theo tiêu chí lựa chọn thành viên. Thành viên cộng đồng phải là người dân bản xứ hoặc là người ngoài cộng đồng nhưng có truyền thống sử dụng nguồn lợi trong vùng nước được giao.

- Xác định vùng nước được giao không phải là vùng sinh thái nhạy cảm, không có sự tranh chấp, mâu thuẫn với các ngành nghề khác

Việc giao quyền sử dụng cho cộng đồng cần căn cứ vào đặc trưng vùng nước được giao trên cơ sở xem xét yếu tố:

+ Vùng khai thác thủy sản hiện tại không phải là vùng nhạy cảm sinh thái (khu vực bảo tồn, khu vực có bãi đẻ của các loài thủy sản, rừng ngập mặn, thảm rong - cỏ biển...);

+ Có nhiều hoạt động kinh tế nhằm đảm bảo cho cộng đồng hoạt động bền vững. Giữa các ngành nghề không nảy sinh mâu thuẫn, tranh chấp.

6. Xây dựng quy chế trong cộng đồng

Bản Quy chế này phải được xây dựng theo tinh thần tự nguyện của cộng đồng tại địa phương có sự tham gia tư vấn của chính quyền địa phương.

Nội dung chủ yếu của bản Quy chế gồm những phần chủ yếu sau:

Phần 1: Những Quy định chung

Những quy định chung cần phải nêu rõ đối tượng và phạm vi điều chỉnh. Phạm vi điều chỉnh ở đây được hiểu như là vùng/mặt nước được giao cho cộng đồng quản lý, còn đối tượng điều chỉnh là những thành viên tham gia vào cộng đồng được giao quản lý vùng/mặt nước.

Phần 2: Hoạt động tổ chức đồng quản lý

Hoạt động của tổ chức đồng quản lý thông qua hoạt động của các bộ phận sau:

- Đại hội ngư dân thành viên của cộng đồng
- Ban Quản lý cộng đồng
- Tổ tuần tra giám sát
- Đội tự quản
- Các thành viên cộng đồng

Bản Quy chế cần quy định rõ vai trò, trách nhiệm và lợi ích của 5 bộ phận được đề cập ở trên và phải đạt được sự đồng thuận của các bên liên quan về chức năng, nhiệm vụ cũng như quyền lợi của từng bộ phận.

Do một trong các bên không thể làm việc với tất cả các thành viên của những bên còn lại nên cần thiết phải thiết lập những cơ chế để bảo đảm cho

U. Zhu

các hoạt động phối hợp được tốt. Cơ chế đó chính là các Ban Quản lý của cộng đồng và Đại hội ngư dân thành viên.

a. Ban Quản lý cộng đồng

Đại hội ngư dân thành viên cộng đồng bầu ra Ban Quản lý (BQL) cộng đồng của mình thông qua bầu hình thức bầu cử dân chủ.

BQL cộng đồng là bộ phận thường trực của Đại hội để giải quyết các công việc của cộng đồng giữa hai kỳ họp. BQL có trách nhiệm chỉ đạo và quyết định những vấn đề quan trọng của cộng đồng.

Tùy theo quy mô số lượng thành viên và đặc điểm hoạt động của cộng đồng mà số lượng Ủy viên Ban Quản lý có thể thay đổi khác nhau.

Việc bầu ra Ủy viên phải đi kèm cùng với các trách nhiệm tương ứng của mỗi ủy viên liên quan đến chức năng của cộng đồng (chẳng hạn như hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, kinh doanh/tiêu thụ sản phẩm, thông tin kiểm soát các hoạt động kinh tế và kiểm soát tài chính). Các ủy viên BQL sẽ bầu ra một Trưởng BQL.

BQL sẽ họp định kỳ để thảo luận và quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hành chính thay mặt các thành viên của cộng đồng.

b. Đại hội ngư dân thành viên của cộng đồng

Đại hội thành viên là một hoạt động quản lý thủy sản ở cấp cộng đồng và Đại hội này được xem là cơ quan ra quyết định của cộng đồng ở mỗi vùng nước/biên giới cho cộng đồng quản lý.

Trưởng BQL của cộng đồng có quyền triệu tập họp Đại hội thành viên, ít nhất một năm một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng.

Đại hội là cơ hội để tham vấn ý kiến các thành viên cũng như đại diện của Chính quyền cấp tỉnh (không nhất thiết phải có đại diện của chính quyền tỉnh trong tất cả các kỳ Đại hội, nếu như các hỗ trợ cũng như khung pháp lý và chính sách cho cộng đồng quản lý nghề cá đã có và đã được làm rõ).

Đại hội nên quyết định các vấn đề sau đây:

+ Xác lập các qui chế và quy định (hương ước) cho hoạt động quản lý nghề cá cũng như các hoạt động kinh tế, xã hội khác tại cộng đồng; trong khuôn khổ luật pháp cho phép của cấp trung ương và địa phương;

+ Tham gia vào quá trình phân bổ các vùng được giao (chỉ 1 lần đầu tiên);

+ Giám sát việc sử dụng các vùng mặt nước được giao đối với các ngư cụ cố định (như lưới đăng, hoặc chà rọ), phát triển nguồn lợi (rạn nhân tạo, khu bảo tồn biển hoặc di trú nếu cần thiết), các trang thiết bị nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng khai thác thủy sản có thể ảnh hưởng đến giao thông thủy hoặc tác động đến hệ sinh thái biển;

+ Thực hiện nghề cá có trách nhiệm bao gồm lựa chọn các ngư cụ và

phương pháp khai thác hợp lý, thân thiện với môi trường;

+ Giám sát các hoạt động sản xuất bao gồm cả việc tuân thủ các qui định về mùa vụ khai thác thủy sản trong đó bao gồm cả mùa vụ cấm và vùng cấm khai thác đối với một số giống loài;

+ Triển khai thực hiện các giải pháp và hoạt động bảo vệ môi trường như phục hồi và bảo vệ nơi sống của sinh vật (rạn san hô, cỏ biển và rừng ngập mặn);

+ Quyết định người gia nhập làm thành viên và người ra khỏi cộng đồng;

+ Xem xét hệ thống đăng ký, sổ sách của cộng đồng ;

+ Làm rõ các trách nhiệm và quyền lợi của các nhóm thành viên khác nhau;

+ Giám sát hiện trạng và xu hướng của hoạt động khai thác và NTTS sử dụng các thông tin thu thập được và bộ chỉ số đơn giản;

+ Giải quyết nội bộ các xung đột giữa các thành viên;

+ Xem xét và thông qua kế hoạch quản lý nghề cá dựa trên hiện trạng khai thác và nuôi trồng và tiến độ của kế hoạch hoạt động của cộng đồng;

+ Xúc tiến các chương trình phát triển thủy sản bao gồm cả xây dựng các đề tài tìm kiếm hỗ trợ từ chính quyền như xây dựng các điểm trình diễn về ngư cụ và phương pháp đánh bắt phù hợp, chương trình phát triển nguồn lợi và xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết; và

+ Giám sát các hoạt động kinh tế và quản lý tài chính của cộng đồng

Hầu hết mọi hoạt động nêu trên đều có thể giao cho BQL, chỉ những đầu ra và những vấn đề quan trọng mới được thảo luận và thống nhất ở Đại hội thành viên.

Các nhân viên văn phòng của cộng đồng được tuyển dụng chủ yếu tại địa phương, thông qua cộng đồng sẽ làm việc như Tổ thư ký giúp việc các cuộc họp BQL và Đại hội.

Phần 3: Một số cơ chế đảm bảo hoạt động của cộng đồng:

Cộng đồng muốn hoạt động được lâu dài và ổn định thì trong bản Quy chế phải xây dựng một số cơ chế về tài chính, giải quyết tranh chấp, giám sát và điều chỉnh hoạt động của tổ.

a. Cơ chế tài chính bền vững

- Thiết lập cơ chế tài chính bền vững là yếu tố tiên quyết đảm bảo sự thành công của chương trình quản lý cộng đồng tại địa phương.

- Để đảm bảo tính lâu dài và bền vững của chương trình đồng quản lý tại địa phương, cộng đồng phải xác định là họ phải độc lập và xây dựng được nguồn lực tài chính bền vững. Tuy nhiên, trong phần lớn các trường hợp ở giai

21. 2/2014

đoạn ban đầu khi nguồn lực tài chính trong cộng đồng chưa có thì có thể tìm kiếm các nguồn tài trợ để triển khai chương trình.

- Cộng đồng có thể tìm kiếm sự trợ giúp từ chính quyền hoặc các tác nhân bên ngoài trong quá trình tìm kiếm các nguồn tài trợ. Các nguồn tài trợ tiềm năng có thể từ chính phủ, tỉnh, địa phương, các chương trình dự án, các tổ chức phi chính phủ, các quỹ từ thiện, các công ty hay tổ chức tư nhân...

- Về lâu dài để đảm bảo tính độc lập và bền vững về tài chính, cộng đồng địa phương nên tiến hành các hoạt động kinh tế thích hợp với điều kiện địa phương. Các hoạt động để tăng cường khả năng tài chính bao gồm: bán đấu giá sản phẩm thủy sản; kinh doanh các trang thiết bị đầu vào phục vụ ngư dân thành viên; lệ phí thành viên; lãi suất từ việc cho các ngư dân vay vốn phát triển sản xuất v.v..

- Các nguồn thu tiềm năng khác của cộng đồng có thể từ việc kinh doanh các hàng hoá cần thiết khác như ngư cụ, máy móc, xăng dầu, trang bị khai thác và các hàng hoá tiêu dùng cơ bản khác cho các thành viên. Việc kinh doanh này có thể tiết kiệm được chi phí so với việc mua bán đơn lẻ.

- Phí gia nhập thành viên và phí hội viên hàng năm do các hội viên chi trả cũng là nguồn thu nhập khác của Tổ. Nếu cộng đồng có quỹ, thì tích lũy từ lãi suất vay cũng là một nguồn thu của Tổ.

- Cộng đồng phải có đủ năng lực quản lý tài chính cho các hoạt động kinh tế của mình bao gồm cả năng lực kế toán, quản lý sổ sách, chứng từ. Cơ chế đồng quản lý thủy sản của cộng đồng (Ban Quản lý, Đại hội) nên thực hiện chức năng quản lý tài chính bao gồm cả việc kiểm toán các báo cáo tài chính do Văn phòng cộng đồng chuẩn bị.

b. Cơ chế giải quyết tranh chấp

- Giải quyết tranh chấp liên quan đến các hoạt động thủy sản là một trong những nhiệm vụ của phương thức đồng quản lý.

- Để giúp cho việc giải quyết tranh chấp có hiệu quả, trước hoặc ngay sau khi thành lập cộng đồng ngư dân thì một Bản ghi nhớ về cơ chế phối hợp giải quyết tranh chấp mâu thuẫn giữa các thành viên cộng đồng với nhau, giữa các thành viên của cộng đồng và những người không phải là thành viên; giữa cộng đồng và các cơ quan khác cần phải được xây dựng.

- UBND tỉnh là cơ quan đầu mối tổ chức xây dựng Bản ghi nhớ, các bên liên quan có trách nhiệm cử đại diện tham gia xây dựng bản ghi nhớ này. UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt Bản ghi nhớ và xem đây là văn bản có giá trị pháp lý.

- Nếu khu vực được giao cho cộng đồng quản lý thuộc liên tỉnh thì cần xây dựng Bản ghi nhớ liên tỉnh có sự phê duyệt của các tỉnh có liên quan.

- Nội dung của Bản ghi nhớ có thể khác nhau tùy theo điều kiện và các vấn đề khác nhau ở mỗi địa phương nhưng phải bao gồm một số vấn đề chính sau đây:

- Khi có những tranh chấp trong lĩnh vực thủy sản xảy ra giữa các thành viên của cộng đồng thì đơn vị có trách nhiệm giải quyết là Trưởng BQL, BQL của cộng đồng và Đại hội ngư dân thành viên tùy theo qui mô và mức độ của tranh chấp.

- Với những vụ việc có tính phức tạp hơn, liên quan nhiều đến lợi ích của nhiều người hơn và giá trị lớn hơn (tranh chấp vị trí đặt đăng, vị trí đặt lồng nuôi v.v..), quá trình giải quyết được thực hiện thông qua các cuộc họp định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất của BQL cộng đồng.

- Với những vụ việc khó khăn và phức tạp liên quan đến lợi ích của toàn bộ ngư dân thành viên thì sẽ được giải quyết thông qua Đại hội ngư dân thành viên.

- Những trường hợp tranh chấp trong lĩnh vực thủy sản, mà vượt quá phạm vi quyền lực của Tổ, thì tùy theo tính chất nghiêm trọng của vụ việc mà hồ sơ được chuyển lên những cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước giải quyết.

- Những vụ việc có tính chất hình sự thì toàn bộ hồ sơ liên quan đến vụ việc sẽ được BQL và hai bên ngư dân chuẩn bị và chuyển lên cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, gồm cả Công An các cấp, và chính quyền địa phương.

- Với những tranh chấp trong lĩnh vực thủy sản xảy ra giữa thành viên của cộng đồng và những người không phải là thành viên của Tổ. Trách nhiệm giải quyết thuộc về các cơ quan hữu quan thuộc chính quyền địa phương các cấp bất kể đó là vi phạm về hành chính hoặc hình sự. BQL có trách nhiệm cùng với 2 bên lập biên bản và thông báo và/hoặc gửi hồ sơ vụ việc lên những cơ quan có thẩm quyền kể trên giải quyết theo luật định hiện hành.

c. Cơ chế giám sát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch thực thi đồng quản lý

- Đánh giá là một phần không thể thiếu của quản lý thích ứng, đánh giá giúp ta đúc rút được những bài học từ thành công cũng như thất bại trong việc áp dụng đồng quản lý để có kế hoạch điều chỉnh thích hợp.

- Giám sát các bước trong kế hoạch thực thi để đảm bảo việc thực hiện đúng hướng và đúng tiến độ đề ra.

- Thực hiện cơ chế giám sát, đánh giá, điều chỉnh (GSDGĐC) đều phải có sự tham gia của cộng đồng. Đây là công việc thường xuyên, có định kỳ tổng kết.

- Đội Tuần tra giám sát (TTGS) có trách nhiệm:

+ Phân công nhau tuần tra giám sát tình hình hoạt động trong tổ;

+ Chuyển thông tin do dân phản ánh tới người có trách nhiệm;

- + Ghi chép mọi thông tin và gửi cho đội trưởng đội TTGS.
- Đội trưởng đội TTGS có trách nhiệm:
- + Tập hợp các thông tin theo định kỳ và gửi đội trưởng đội Tự quản.
- Đội trưởng đội Tự quản có trách nhiệm:
- + Xem xét các vấn đề do đội trưởng đội TTGS báo cáo;
- + Đối với những vấn đề trong thẩm quyền của đội Tự quản, đội trưởng đội Tự quản sẽ trao đổi với các bên liên quan để đi đến thống nhất.
- + Đối với các vấn đề không thuộc thẩm quyền của đội Tự quản và không giải quyết được, đội trưởng đội Tự quản sẽ lập báo cáo và gửi Ban Quản lý (BQL).
- BQL có trách nhiệm:
- + Tổ chức tổng hợp, xử lý thông tin gửi đến các bên liên quan để xin ý kiến chỉ đạo và cách giải quyết vấn đề phát sinh; tổ chức phản hồi thông tin đến cộng đồng, lấy ý kiến của cộng đồng. Nếu đồng thuận thì thực hiện quyết định, nếu không đồng thuận, BQL phải tiếp tục là trung gian để giải quyết triệt để vấn đề.
- + Cuối mỗi tháng, BQL tổ chức họp với các Tổ Tự quản để trả lời các vấn đề của cộng đồng đồng thời nắm bắt mọi vấn đề phát sinh khác./.

U. Anh

TỔNG CỤC THỦY SẢN